

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.
2. Bà Ngô Hồng Điệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 290/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Đông, xã L Đông, huyện C, tỉnh Long An;

Nay là: ấp Đông, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Đông, xã L Đông, huyện C, tỉnh Long An;

Nay là: ấp Đông, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu N trình bày: chị và anh S cưới nhau vào năm 2022, đăng ký kết hôn ngày 28/11/2022 tại UBND xã L Đông, huyện C, tỉnh Long An (nay là UBND xã L, tỉnh Tây Ninh), hôn nhân do được mai mối, tự nguyện. Sau khi cưới anh S thường đi làm xa ít khi về nhà, đến khi chị có con nhỏ cũng chỉ một mình chị chăm sóc và lo các chi phí nuôi con nên tình cảm giữa chị và anh S ngày càng phai nhạt. Khi xảy ra sự việc gia đình anh S xúc phạm danh dự chị thì anh S cũng không bênh vực chị nên cuộc sống chung giữa chị và anh S không còn hạnh phúc. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đỗ Duy K, sinh ngày 04/9/2023, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn, do anh đi làm xa ít khi về nhà nên không chăm sóc được chị N và con, khi xảy ra mâu thuẫn giữa chị N và gia đình anh thì anh cũng có giải quyết nhưng cách xử sự của anh không được hài lòng chị N nên chị N mới buồn phiền anh. Hiện tại anh vẫn còn thương chị N, mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để lo cho con nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đỗ Duy K, sinh ngày 04/9/2023, hiện đang sống chung với chị N. Việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung anh không có ý kiến.

Về chia tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu N trình bày: chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh S vì mâu thuẫn giữa chị và anh S đã xảy ra trong thời gian dài, chị cũng đã cố gắng chịu đựng để gìn giữ gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn nên nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh S vì chị không còn tình cảm với anh S.

- Anh Trần Văn S trình bày: anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh còn tình cảm với chị N. Anh yêu cầu cho anh thêm thời gian để anh thuyết phục chị N đoàn tụ lại với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị Thu N và anh Trần Văn S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã L Đông, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146/2022 vào ngày 28/11/2022 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Trần Văn S là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại ấp Đông, xã L Đông, huyện C, tỉnh Long An (Nay là: ấp Đông, xã L, tỉnh Tây Ninh) nên khi chị N có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh) căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị N và anh S cưới nhau vào năm 2022, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày do trong cuộc sống vợ chồng chị N không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, bảo vệ từ anh S làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh S. Đối với anh S thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, anh vẫn còn tình cảm với chị N, do điều kiện công việc phải đi làm xa nên thời gian qua anh mới không thể chăm sóc cho chị N và con. Tòa án đã tổ chức hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng không kết quả.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh S luôn trình bày vợ chồng không mâu thuẫn, anh S không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian Tòa án giải quyết anh S không thuyết phục được chị N đoàn tụ và cũng không đưa ra được giải pháp nào để giải quyết vấn đề. Chị N xác định không còn tình cảm với anh S và kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Từ đó cho thấy giữa chị N và anh S đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh S.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

[3.1] Giữa chị N và anh S có 01 con chung tên Trần Đỗ Duy K, sinh ngày 04/9/2023 hiện đang sống với chị N. Xét thấy hiện con chung đang sống với chị N đã ổn định, chị N yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh S đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Đỗ Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu N về việc ly hôn đối với anh Trần Văn S.

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu N được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Đỗ Duy K, sinh ngày 04/9/2023, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực

tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018770 ngày 24/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Tây Ninh), chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã L, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang